

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÙ CANG CHẢI
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19 /2021/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 11 - 2021.

V/v: Không công nhận là vợ chồng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên toà: ông Tòng Văn Quân;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Trần Hữu Hưng
2. ông Sùng A Xà

- Thư ký phiên toà: ông Lý A Đà- Thư ký Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải: ông Đoàn Xuân Trường- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2021/TLST- HNGĐ ngày 06/10/2021 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Chang Thị S, sinh năm 2001.

Trú tại: Bản L, xã K, huyện M, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

Bị đơn: Anh Sùng A L, sinh năm 1992.

Trú tại: Bản P, xã Ch, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người phiên dịch: ông Thảo A Dờ; trú tại: Tổ 5, thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 10 năm 2021 và các biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Chang Thị S trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Chang Thị S và anh Sùng A L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Chung sống

hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L nghiện chất ma túy, bán hết tài sản trong gia đình để mua ma túy sử dụng cho bản thân, không quan tâm đến cuộc sống gia đình vợ con. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần. Tuy nhiên tình cảm giữa chị S và anh L không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Sùng A L.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/10/2021, bị đơn anh Sùng A L trình bày: Anh chung sống như vợ chồng với chị Chang Thị S từ năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và thừa nhận bản thân có nghiện chất ma túy như chị Chang Thị S trình bày. Tuy nhiên bản thân đã biết sai và nhận sửa chữa lỗi lầm của mình, tình cảm giữa anh và chị S vẫn còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng về đoàn tụ.

+ Về con chung: Chị Chang Thị S và anh Sùng A L đều khai thống nhất trong thời gian chung sống với nhau đã có 01 con chung tên là Chang A H, sinh ngày 11 tháng 09 năm 2020;

Hiện con đang ở cùng chị S bên nhà bố mẹ vợ tại bản La Phu Khơ, xã Kim Nội, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Chị S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chang A H, sinh ngày 11 tháng 09 năm 2020, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/10/2021 anh L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại biên bản hòa giải ngày 29 tháng 10 năm 2021, chị Chang Thị S và anh Sùng A L không thống nhất được với nhau về việc nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Tại biên bản lấy lời khai của đương sự và biên bản hòa giải ngày 29/10/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải thì chị S và anh L khai thống nhất là không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong việc tham gia tố tụng; Về quan điểm giải quyết vụ án: về quan hệ hôn nhân, đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận chị Chang Thị S và anh Sùng A L là vợ chồng; giải quyết việc nuôi con chung: Giao cho chị Chang Thị S trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Chang A H, sinh ngày 11 tháng 09 năm 2020; anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Bị đơn Sùng A L đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái, không thể tham gia phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh Sùng A L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chang Thị S và Anh Sùng A L đều thừa nhận chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 nhưng không đăng kết hôn, chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L nghiện chất ma túy, không quan tâm đến gia đình vợ con. chị S xác định tình cảm vợ, chồng không còn nên chị S làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Chang Thị S và anh Sùng A L có đủ điều kiện kết hôn mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình không công nhận chị Chang Thị S và anh Sùng A L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Tại biên bản hòa giải ngày 29 tháng 10 năm 2021, chị Chang Thị S và anh Sùng A L không thỏa thuận được với nhau là: Chị S và anh L đều nhận nuôi con chung Chang A H, sinh ngày 11 tháng 09 năm 2020. Tuy nhiên xét về điều kiện và khả năng chăm sóc và nuôi dưỡng con, cần thiết cần giao con chung cho chị Chang Thị S trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Chang A H.

Anh Sùng A L là người nghiện ma túy, không đủ khả năng và điều kiện để nuôi con chung nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Chang Thị S và anh Sùng A L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng, phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: Đương sự thuộc diện hộ nghèo; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, nên Tòa án căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho đương sự theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Chang Thị S và anh Sùng A L là vợ chồng.

3. Về con chung: Giao cho chị Chang Thị S trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Chang A H, sinh ngày 11 tháng 09 năm 2020; anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Chang Thị S.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện MCC;
- Chi cục THADS huyện MCC;
- UBND xã Chế Tạo, huyện MCC;
- UBND xã Kim Nội, huyện MCC;
- Các đương sự;
- Lưu: HS (2); TA; tiểu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tòng Văn Quân